

# THỦ TỤC XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN MÀ BỊ CÁO LÀ NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN TRONG BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003 VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG

## 1. Những quy định chung về thủ tục xét xử đối với người chưa thành niên

### 1.1. Phạm vi áp dụng thủ tục xét xử đối với người chưa thành niên

Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự thì quan hệ pháp luật tố tụng hình sự phát sinh từ khi một người bị bắt, bị tạm giữ về hình sự. Đối với người thực hiện hành vi phạm tội bị bắt, bị tạm giữ, bị khởi tố, truy tố và xét xử là người chưa thành niên thì xuất phát từ nhận thức người chưa thành niên là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, khả năng nhận thức về hành vi còn hạn chế, dễ bị tác động bởi những điều kiện ngoại cảnh, Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2003 đã dành một chương (chương XXXII) quy định về thủ tục đặc biệt đối với người chưa thành niên. Phạm vi áp dụng của Chương này được thể hiện tại Điều 301 Bộ luật tố tụng hình sự như sau: "Thủ tục tố tụng đối với người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa thành niên được áp dụng theo quy định của Chương này, đồng thời theo những quy định khác của Bộ luật này không trái với những quy định của Chương này". Như vậy, có thể hiểu phạm vi áp dụng thủ tục xét xử đối với bị cáo là người chưa thành niên bao gồm các quy định tại Chương XXXII Bộ luật tố tụng hình sự (từ Điều 302 đến Điều 310) và tất cả những quy định khác của Bộ luật tố tụng hình sự nếu không trái với những quy định của chương này. Việc quy định phạm vi áp dụng như vậy để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo là người chưa thành niên.

### 1.2. Những vấn đề cần xác định rõ trong vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên

Khi tiến hành xét xử với những vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên, ngoài những vấn đề bắt buộc phải chứng minh đối với các vụ án hình sự nói chung, thì theo quy định tại khoản 2 Điều 302 của Bộ luật tố tụng hình sự Tòa án cần phải xác định rõ các vấn đề sau đây: Tuổi, trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của người chưa thành niên. Việc xác định tuổi của bị cáo là người chưa thành niên đặc biệt quan trọng vì đây là căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự của người phạm tội cũng như việc xác định trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội giúp cho người tiến hành tố tụng có thể đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của người chưa thành niên gây ra để có thể áp dụng biện pháp tư pháp hay hình phạt thích hợp, bảo đảm chế độ thi hành án theo quy định của pháp luật. Điều kiện sinh sống và giáo dục: Hành vi phạm tội của người chưa thành niên thường bắt nguồn từ điều kiện sống và giáo dục trong gia đình, nhà trường và xã hội. Cho nên, làm rõ yếu tố này cũng xác định khả

năng cải tạo và giáo dục người chưa thành niên phạm tội, đồng thời cũng có thể giúp cho việc xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội để có thể đưa ra các biện pháp phòng ngừa thích hợp đối với người phạm tội nói chung và người chưa thành niên phạm tội nói riêng.

Khoa học đã chứng minh con người chịu sự ảnh hưởng tác động qua lại của môi trường xung quanh, hành vi phạm tội không phải ngẫu nhiên hình thành, nó phát sinh không phải từ chính môi trường, chính bản thân người đó mà là do sự tác động qua lại giữa môi trường và cá nhân con người đó. Đối với người chưa thành niên ảnh hưởng của môi trường xung quanh càng thể hiện rõ hơn, đó là: điều kiện sinh sống của gia đình, thái độ, cách ứng xử của cha mẹ, những người thân trong gia đình; điều kiện học tập và sinh hoạt của họ ở nhà trường, đoàn thể, nơi cư trú. Có hay không có người đã thành niên xúi giục: Việc xác định có hay không có người thành niên xúi giục cũng như nguyên nhân và điều kiện phạm tội là những vấn đề quan trọng, làm cơ sở cho việc đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội mà người chưa thành niên đã thực hiện, từ đó đề ra những biện pháp hữu hiệu ngăn chặn tái phạm. Nguyên nhân và điều kiện phạm tội: Việc người chưa thành niên phạm tội là một hiện tượng đang tồn tại trong xã hội. Hiện tượng này không phải ngẫu nhiên xuất hiện mà bao giờ cũng có nguyên nhân và điều kiện dẫn đến nó. Chúng ta muốn đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm do người chưa thành niên thực hiện và đề ra được những biện pháp khắc phục và ngăn ngừa có hiệu quả thì phải tìm hiểu nguyên nhân và điều kiện dẫn họ đến việc phạm tội.

### ***1.3. áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị cáo là người chưa thành niên***

Các biện pháp ngăn chặn được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự bao gồm bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Tùy theo tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị can, bị cáo, các biện pháp ngăn chặn này có thể được áp dụng đối với cả trường hợp người phạm tội là người thành niên và trường hợp người phạm tội là người chưa thành niên ở các giai đoạn tố tụng nhằm bảo đảm cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Tuy nhiên, pháp luật về tố tụng hình sự cũng có những quy định đặc biệt để áp dụng biện pháp ngăn chặn trong trường hợp bị can, bị cáo là người chưa thành niên. Đối với các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam

Ngoài những yêu cầu chung quy định tại các điều 80, 81, 82, 86, 88 và 120 của Bộ luật tố tụng hình sự, theo quy định tại Điều 303 của Bộ luật tố tụng hình sự và những quy định có liên quan thì việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người chưa thành niên được thực hiện như sau: Biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, chỉ có thể được áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi trong trường hợp họ

phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, bắt, tạm giữ, tạm giam chỉ có thể được áp dụng trong trường hợp họ phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. So sánh với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 trước đây, Điều 303 của Bộ luật tố tụng hình sự đã quy định bổ sung khoản 3, trong đó quy định rõ trách nhiệm của cơ quan ra lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam người chưa thành niên phải thông báo cho gia đình, người đại diện hợp pháp của họ biết ngay sau khi bắt, tạm giữ, tạm giam tạo điều kiện cho họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Bộ luật tố tụng hình sự cho phép để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên. Người chưa thành niên phải được giam, giữ ở khu vực riêng; không được giam, giữ người chưa thành niên chung với người thành niên.

Về việc giám sát bị cáo là người chưa thành niên.

Theo quy định tại Điều 304 Bộ luật tố tụng hình sự thì nếu xét thấy việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên là không cần thiết, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án có thể ra quyết định giao bị can, bị cáo chưa thành niên cho cha mẹ, người đỡ đầu của họ giám sát để bảo đảm sự có mặt của bị can, bị cáo khi có giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng. Những người được giao nhiệm vụ giám sát có nghĩa vụ giám sát chặt chẽ người chưa thành niên, theo dõi tư cách, đạo đức và giáo dục người đó. Hiện nay, không có văn bản pháp luật nào hướng dẫn về việc cha mẹ, người đỡ đầu có quyền từ chối không thực hiện nghĩa vụ giám sát của mình khi được yêu cầu, mặt khác theo quy định của Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1991, Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì cha mẹ, ông bà, các thành viên lớn tuổi khác trong gia đình và người đỡ đầu có trách nhiệm về việc chăm sóc, nuôi dạy người chưa thành niên, cho nên họ phải có nghĩa vụ giám sát, giáo dục, chăm sóc người chưa thành niên.

Như vậy có nghĩa là trong mọi trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu thì việc giám sát bị can, bị cáo chưa thành niên phải được cha mẹ, người đỡ đầu của họ thực hiện. Hay nói một cách khác, việc giám sát bị can, bị cáo chưa thành niên vừa là quyền vừa là nghĩa vụ bắt buộc của cha mẹ, người đỡ đầu của họ. Quy định này khác hẳn quy định tại Điều 75 Bộ luật tố tụng hình sự về biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đối với bị can, bị cáo chưa thành niên, thủ tục bảo lãnh chỉ được đặt ra đối với bị can, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng và phải có cá nhân, tổ chức nhận bảo lãnh. Việc cá nhân, tổ chức nhận bảo lãnh là do họ hoàn toàn tự nguyện, các cơ quan tiến hành tố tụng không thể bắt buộc họ được.

#### ***1.4. Việc điều tra, truy tố và xét xử những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên***

Thủ tục về những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên là thủ tục đặc biệt được quy định tại Chương XXXII, Phần thứ bảy Bộ luật tố tụng hình sự. Những thủ tục này gồm: Điều tra, truy tố, xét xử; bắt, tạm giữ, tạm giam; giám sát bị can, bị cáo; bào chữa; việc tham gia tố tụng của gia đình, nhà trường và tổ chức xã hội; xét xử; chấp hành án phạt tù; chấm dứt việc chấp hành biện pháp tư pháp và giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án. thành viên lớn tuổi khác trong gia đình và người đỡ đầu có trách nhiệm về việc chăm sóc, nuôi dạy người chưa thành niên, cho nên họ phải có nghĩa vụ giám sát, giáo dục, chăm sóc người chưa thành niên. Như vậy có nghĩa là trong mọi trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu thì việc giám sát bị can, bị cáo chưa thành niên phải được cha mẹ, người đỡ đầu của họ thực hiện. Hay nói một cách khác, việc giám sát bị can, bị cáo chưa thành niên vừa là quyền vừa là nghĩa vụ bắt buộc của cha mẹ, người đỡ đầu của họ. Quy định này khác hẳn quy định tại Điều 75 Bộ luật tố tụng hình sự về biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đối với bị can, bị cáo chưa thành niên, thủ tục bảo lãnh chỉ được đặt ra đối với bị can, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng và phải có cá nhân, tổ chức nhận bảo lãnh. Việc cá nhân, tổ chức nhận bảo lãnh là do họ hoàn toàn tự nguyện, các cơ quan tiến hành tố tụng không thể bắt buộc họ được.

#### ***1.5. Việc điều tra, truy tố và xét xử những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên***

Thủ tục về những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên là thủ tục đặc biệt được quy định tại Chương XXXII, Phần thứ bảy Bộ luật tố tụng hình sự. Những thủ tục này gồm: Điều tra, truy tố, xét xử; bắt, tạm giữ, tạm giam; giám sát bị can, bị cáo; bào chữa; việc tham gia tố tụng của gia đình, nhà trường và tổ chức xã hội; xét xử; chấp hành án phạt tù; chấm dứt việc chấp hành biện pháp tư pháp và giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án thành viên lớn tuổi khác trong gia đình và người đỡ đầu có trách nhiệm về việc chăm sóc, nuôi dạy người chưa thành niên, cho nên họ phải có nghĩa vụ giám sát, giáo dục, chăm sóc người chưa thành niên. Như vậy có nghĩa là trong mọi trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu thì việc giám sát bị can, bị cáo chưa thành niên phải được cha mẹ, người đỡ đầu của họ thực hiện. Hay nói một cách khác, việc giám sát bị can, bị cáo chưa thành niên vừa là quyền vừa là nghĩa vụ bắt buộc của cha mẹ, người đỡ đầu của họ. Quy định này khác hẳn quy định tại Điều 75 Bộ luật tố tụng hình sự về biện pháp ngăn chặn bảo lãnh đối với bị can, bị cáo chưa thành niên, thủ tục bảo lãnh chỉ được đặt ra đối với bị can, bị cáo phạm tội ít nghiêm

trọng, có nơi cư trú rõ ràng và phải có cá nhân, tổ chức nhận bảo lãnh. Việc cá nhân, tổ chức nhận bảo lãnh là do họ hoàn toàn tự nguyện, các cơ quan tiến hành tố tụng không thể bắt buộc họ được.

### ***1.6. Việc điều tra, truy tố và xét xử những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên***

Thủ tục về những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên là thủ tục đặc biệt được quy định tại Chương XXXII, Phần thứ bảy Bộ luật tố tụng hình sự. Những thủ tục này gồm: Điều tra, truy tố, xét xử; bắt, tạm giữ, tạm giam; giám sát bị can, bị cáo; bào chữa; việc tham gia tố tụng của gia đình, nhà trường và tổ chức xã hội; xét xử; chấp hành án phạt tù; chấm dứt việc chấp hành biện pháp tư pháp và giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án trong lĩnh vực tập lý, các nhà giáo có nhiều kinh nghiệm để xác định mức độ phát triển năng lực nhận thức của người chưa thành niên. Cần làm rõ những đặc điểm về tính cách của người chưa thành niên, tình trạng sức khỏe, thói quen, mức độ phát triển về nhận thức, năng khiếu, những vấn đề mà đưa trẻ quan tâm... Những tài liệu này có ý nghĩa đối với việc đánh giá chứng cứ và quy mức độ, tính chất trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo. Để làm rõ điều kiện sinh sống và giáo dục cần chú ý thu thập những tài liệu như: điều kiện sống, nghề nghiệp, trình độ, nơi làm việc, lối sống đạo đức, quan hệ xã hội của bố mẹ cũng như trách nhiệm của họ đối với con cái. Mặt khác, cần phải tìm hiểu kỹ thái độ và kết quả học tập, lao động của người chưa thành niên, đạo đức, lối sống, quan hệ bạn bè, sự tham gia vào các tổ chức, tập thể... của người đó; trước khi phạm tội người chưa thành niên đó có chỗ ở hay không; nguồn gốc phát sinh những quan niệm, thói hư tật xấu và động cơ, mục đích phạm tội; có sự xúi giục lôi kéo của người thành niên, bạn bè hay không để có những quyết định đúng đắn. Nhất là trong trường hợp có sự xúi giục, lôi kéo của người chưa thành niên thì phải xử lý nghiêm khắc người đó để phòng ngừa việc phạm tội của người chưa thành niên. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định rõ việc mà các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải xác định khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử là "có hay không có người thành niên xúi giục" thay vì quy định trước đây của Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 là "có hay không người lớn xúi giục" để tránh hiểu khác nhau dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất (điểm c khoản 2 Điều 302).

## **2. Thủ tục xét xử đối với bị cáo là người chưa thành niên**

### ***2.1 Vài nét về việc xét xử vụ án hình sự***

Xét xử là giai đoạn trung tâm, quyết định quá trình giải quyết vụ án từ khi khởi tố điều tra đến khi đưa bị cáo ra trước Tòa án. Một người dù phạm tội bị bắt quả tang, bị bắt khẩn cấp, bị Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố và bị Viện kiểm sát truy tố thì

họ cũng chưa bị coi là có tội nếu như chưa bị Tòa án kết án và bản án có hiệu lực pháp luật. Điều 72 Hiến pháp năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25-12-2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10 và Điều 9 Bộ luật tố tụng hình sự hiện hành đều quy định: "Không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật". Quy định này càng thể hiện tầm quan trọng của giai đoạn xét xử.

Trong quá trình xét xử, mọi chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra được xem xét một cách công khai, những người tham gia tố tụng được tranh luận, đối đáp với nhau trước Tòa án, người này biết người khác khai như thế nào? Tại phiên tòa, Tòa án còn kiểm tra tính hợp pháp trong hoạt động của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng khác khác. Để đạt được mục đích yêu cầu của hoạt động xét xử, Tòa án và những người tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự từ khâu chuẩn bị đến việc xét xử tại phiên tòa và cuối cùng là tuyên án. Một phiên tòa công khai, xét xử đúng người, đúng tội, bảo đảm tranh tụng dân chủ với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác là một thành công của hoạt động xét xử. Một phiên tòa hình sự dù chỉ có một bị cáo hay nhiều bị cáo, dù bị cáo bị truy tố về tội phạm ít nghiêm trọng hay tội nghiêm trọng; thời gian xét xử có thể chỉ xảy ra trong một ngày hay nhiều ngày, cũng đều phải tuân theo một trình tự nhất định bao gồm các bước (các giai đoạn): Thủ tục bắt đầu phiên tòa, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, nghị án và tuyên án. Từng giai đoạn, pháp luật quy định rất chặt chẽ nhằm bảo đảm việc xét xử của Tòa án công minh, dân chủ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng.

Việc xét xử tại phiên tòa đòi hỏi những người tiến hành tố tụng mà trước hết là Thẩm phán chủ tọa phiên tòa không chỉ cần trình độ chuyên môn giỏi mà phải có kinh nghiệm xét xử, kinh nghiệm điều khiển phiên tòa, xử lý tốt các tình huống xảy ra tại phiên tòa v.v... Có thể nói, điều khiển phiên tòa là một nghệ thuật, nó là thước đo đánh giá trình độ nghiệp vụ, năng lực công tác của người tiến hành tố tụng. Thực tiễn xét xử cho thấy, có nhiều phiên tòa được công chúng khen ngợi là công minh, nhưng cũng không ít phiên tòa không đạt yêu cầu thậm chí gây sự bất bình cho những người dự phiên tòa, mặc dù bản án không trái pháp luật nhưng tính thuyết phục không cao, không được nhân dân đồng tình chỉ vì những người tiến hành tố tụng, nhất là Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Kiểm sát viên thiếu tôn trọng những người tham gia tố tụng và công chúng dự phiên tòa. Vì vậy, nghiên cứu các quy định của pháp luật về thủ tục tại phiên tòa để vận dụng trong thực tiễn xét xử là rất cần thiết, không chỉ đối với người tiến hành tố tụng mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với người tham gia tố tụng

và mọi công dân để thực hiện việc kiểm tra giám sát hoạt động xét xử của Tòa án và Viện kiểm sát.

## ***2.2. Quy định của pháp luật về thủ tục xét xử vụ án hình sự mà bị cáo là người chưa thành niên***

Những quy định từ Điều 301 đến Điều 310 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 là những thủ tục đặc biệt chỉ được áp dụng đối với những người chưa thành niên phạm tội. Ngoài các quy định này, thì thủ tục tố tụng hình sự đối với những người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa thành niên còn được áp dụng theo các quy định khác của Bộ luật tố tụng hình sự, nhưng với điều kiện quy định đó không trái với các quy định tại Chương XXXII của Bộ luật tố tụng hình sự. Theo quy định của Bộ luật hình sự, thì độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự được quy định khác nhau tùy thuộc vào tính chất của tội phạm. Tại Điều 12 của Bộ luật hình sự quy định:

- Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

- Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Tương ứng với các độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự phân biệt rõ độ tuổi chưa thành niên. Một là: Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi và Hai là: Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Trong trường hợp bị can, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nhưng khi phát hiện tội phạm thì họ đã thành niên (đủ 18 tuổi trở lên), thì thủ tục tố tụng áp dụng đối với họ là thủ tục tố tụng đối với những người thành niên phạm tội. Thẩm phán tiến hành tố tụng đối với bị cáo là người chưa thành niên phải là những người có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của người chưa thành niên. Khi tiến hành xét xử cần phải xác định rõ: tuổi, trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của người chưa thành niên; điều kiện sinh sống và giáo dục; có hay không có người thành niên xúi giục; nguyên nhân và điều kiện phạm tội.

Khác với trường hợp bị can, bị cáo là người thành niên, đối với trường hợp bị cáo là người chưa thành niên, khi tiến hành xét xử cần xác định rõ tuổi, trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của người chưa thành niên. Yêu cầu này nhằm xác định rõ mức độ trách nhiệm, cũng như mức độ lỗi của người chưa thành niên đối với hành vi mà họ đã thực hiện và cả với hậu quả mà hành vi do họ gây ra. Việc xác định mức độ phát triển về thể chất, tinh thần, mức độ nhận thức có thể được thực hiện thông qua lời khai của cha, mẹ, giáo viên, bạn bè họ, qua nhận xét của chính quyền địa phương nơi họ cư trú, qua tài liệu y tế, kết luận giám định...

Ngoài ra, còn có thể sử dụng kiến thức của các chuyên gia trong lĩnh vực tâm lý học, các giáo viên giàu kinh nghiệm... Trong quá trình xét xử Tòa án cần làm rõ những đặc điểm, tính cách của người chưa thành niên, năng lực nhận thức, thói quen, tình trạng sức khỏe... để làm cơ sở xem xét đánh giá chứng cứ, xác định mức độ trách nhiệm, tính chất và mức độ lỗi của người chưa thành niên phạm tội. Bên cạnh đó, việc xác định rõ điều kiện sinh sống và giáo dục của người chưa thành niên phạm tội còn có ý nghĩa xác định chính xác hơn về mức độ trách nhiệm, tìm hiểu nguyên nhân và điều kiện phạm tội từ đó xác định đúng đắn về phương pháp giáo dục và cải tạo đối với họ.

Về xét xử đối với bị cáo là người chưa thành niên: Thành viên Hội đồng xét xử phải có một Hội thẩm là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Quy định này nhằm bảo đảm trong Hội đồng xét xử ngoài Thẩm phán phải có ít nhất một Hội thẩm nhân dân có hiểu biết về tâm lý và có kinh nghiệm trong việc giáo dục người chưa thành niên. Trong trường hợp cần thiết, Tòa án có thể quyết định xét xử kín. Theo nguyên tắc chung, Tòa án xét xử công khai trừ trường hợp cần giữ bí mật Nhà nước hoặc giữ gìn đạo đức xã hội thì Tòa án có thể xử kín, nhưng đối với các vụ án mà người phạm tội là người chưa thành niên thì pháp luật cho phép trong trường hợp cần thiết ngoài hai lý do nêu trên Tòa án có thể quyết định xét xử kín vì lý do khác như để cho người chưa thành niên không bị ảnh hưởng về mặt tâm lý khi bị Tòa án xét xử... Đây chính là yêu cầu không để những người không cần thiết biết về tội phạm hoặc những khúc mắc đời tư của người chưa thành niên hoặc gia đình họ nhằm tránh gây ảnh hưởng xấu đến tương lai của người chưa thành niên. Khi xét xử, nếu thấy không cần thiết phải quyết định hình phạt đối với bị cáo thì Tòa án áp dụng một trong những biện pháp tư pháp quy định tại Điều 70 của Bộ luật hình sự. Người chưa thành niên phạm tội được áp dụng chế định xóa án tích khi có đủ những điều kiện quy định tại Điều 77 của Bộ luật hình sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 77 của Bộ luật hình sự, thì thời hạn để xóa án tích đối với người chưa thành niên là một phần hai thời hạn quy định tại Điều 64 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, thời hạn để xóa án tích đối với người chưa thành niên phạm tội là sáu tháng trong trường hợp người chưa thành niên bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo; mười tám tháng trong trường hợp hình phạt là tù đến ba năm; ba mươi tháng trong trường hợp hình phạt là tù từ trên ba năm đến mười lăm năm; bốn mươi hai tháng trong trường hợp hình phạt là tù từ trên mười lăm năm.

Thực tiễn xét xử những năm qua cho thấy rằng tỷ lệ các vụ án hình sự mà người chưa thành niên phạm tội được các Tòa án đưa ra xét xử chiếm tỷ lệ đáng kể. Theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan chức năng thì người chưa thành niên



là người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi, những người đến thời điểm hành vi tố tụng được thực hiện đã đủ 18 tuổi thì từ góc độ tố tụng không được coi là người chưa thành niên, mặc dù khi phạm tội người đó chưa đủ 18 tuổi. Bộ luật tố tụng nước ta có một chương riêng (Chương 32) quy định thủ tục tố tụng về những vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên. Đặc điểm lớn nhất của các vụ án này là bị can, bị cáo khi đưa ra xét xử chưa đủ 18 tuổi, cho nên:

+ Năng lực hành vi tố tụng hình sự còn hạn chế nhất định;

+ Là đối tượng được hưởng chính sách khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước từ góc độ hình sự cũng như tố tụng hình sự; được sự bảo hộ đặc biệt của Nhà nước cũng như xã hội về các quyền và lợi ích hợp pháp.

Vì vậy, khi xét xử vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên, ngoài việc tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng hình sự đối với các vụ án hình sự thông thường còn cần chú ý đến các vấn đề về thủ tục đặc biệt đã được Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Việc vi phạm một trong các quy định đó được coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong xét xử các vụ án hình sự, có thể dẫn đến việc bị Tòa án cấp trên (Phúc thẩm hoặc Giám đốc thẩm) hủy bản án để xét xử lại.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử: Khi thụ lý hồ sơ một vụ án hình sự có người chưa thành niên phạm tội, Thẩm phán cần nghiên cứu xem ngoài các tài liệu, chứng cứ như đối với những vụ án thông thường khác, cần kiểm tra xem đã có đủ các tài liệu, chứng cứ để xác định:

Thứ nhất, độ tuổi cụ thể của bị cáo. Chú ý là chứng cứ xác định độ tuổi phải được tính theo ngày, nếu không rõ ngày phải tính vào ngày cuối của tháng, nếu không rõ tháng phải tính vào tháng cuối của năm; Việc xác định độ tuổi của bị cáo chưa thành niên thông thường dựa trên một số giấy tờ pháp lý như Giấy khai sinh, Giấy chứng sinh, Sổ hộ khẩu, hộ tịch của họ. Tuy nhiên, trong thực tế ở nước ta, một số địa phương do khó khăn về địa lý, nhận thức của người dân còn hạn chế và một số lý do khác mà việc khai sinh cho trẻ em chưa được quan tâm đúng mức, có nhiều trẻ em không được khai sinh hoặc khai sinh không chính xác về ngày, tháng, năm sinh nên việc xác định tuổi của bị can, bị cáo không đúng sẽ dẫn tới việc truy cứu trách nhiệm hình sự sai hay áp dụng loại hình phạt, mức hình phạt không chính xác. Do vậy, khi xét xử các vụ án hình sự có bị cáo là người chưa thành niên, Tòa án cần phải xác định đúng tuổi của họ cũng như trình độ phát triển về thể chất, tinh thần và mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của họ.

Trong trường hợp bị cáo không được khai sinh thì phải kiểm tra sổ hộ tịch, nếu không có thì phải tiến hành điều tra, kết luận tuổi của người phạm tội theo nguyên tắc:

nếu xác định được tháng cụ thể, nhưng không xác định được ngày nào trong tháng đó thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh của bị can, bị cáo; nếu xác định được quý cụ thể của năm, nhưng không xác định được ngày, tháng nào trong quý đó thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng của quý đó làm ngày sinh của bị can, bị cáo; nếu xác định được cụ thể nửa đầu năm hay nửa cuối năm, nhưng không xác định được ngày, tháng nào trong nửa đầu năm hay nửa cuối năm thì lấy ngày 30 tháng 6 hoặc ngày 31 tháng 12 tương ứng của năm đó làm ngày sinh của bị can, bị cáo; nếu không xác định được nửa năm nào, quý nào, tháng nào trong năm thì lấy ngày 31 tháng 12 của năm đó làm ngày sinh của bị can, bị cáo (Thông tư liên ngành số 03/TTLN ngày 20-06-1992 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) hướng dẫn thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về lý lịch của bị can, bị cáo).

Tòa án chỉ xét xử khi có đủ các căn cứ kết luận bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ các biện pháp nêu trên nhưng vẫn không xác định được tuổi bị cáo hoặc có căn cứ cho thấy các giấy tờ pháp lý không đáng tin cậy thì cần trưng cầu giám định tuổi của bị cáo để xác định. Kết quả giám định được dùng làm căn cứ để xác định tuổi chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo cũng như việc áp dụng loại hình phạt, mức hình phạt đối với bị cáo. Bên cạnh yêu cầu phải xác định độ tuổi, pháp luật tố tụng hình sự cũng đòi hỏi cơ quan tiến hành tố tụng phải làm rõ trình độ phát triển về thể chất, tinh thần cũng như mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của bị can, bị cáo là người chưa thành niên để giải quyết vụ án được đúng đắn, chính xác. Mức độ phát triển về tinh thần nhiều khi cũng ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của con người, ví dụ như những người mắc bệnh tâm thần nặng, rối loạn trí óc... thì họ không ý thức được về hành vi của mình.

Việc làm rõ trình độ phát triển và mức độ nhận thức về hành vi của người chưa thành niên có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá chứng cứ và xác định mức độ, tính chất trách nhiệm hình sự đối với họ. Việc xác định độ tuổi, trình độ nhận thức và điều khiển hành vi đối với người chưa thành niên rất quan trọng. Nếu Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án xác định không đúng sẽ gây ra những hậu quả khôn lường vì nó liên quan đến tương lai của một con người, đặc biệt là lý lịch tư pháp của họ. Việc xác định những vấn đề này có thể thực hiện thông qua việc lấy lời khai của cha mẹ của bị can, những người đã từng là thầy giáo, cô giáo của bị can cũng như bạn bè, người thân của họ, nhận xét của địa phương nơi bị can cư trú. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể tham khảo ý kiến của các chuyên gia về tâm lý của người chưa thành niên để xác định chính xác khả năng nhận thức của người chưa thành niên phạm tội.

Thứ hai, trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, khả năng nhận thức, điều kiện sinh sống và giáo dục của người phạm tội. Để xác định điều kiện sinh sống và giáo dục của người phạm tội là người chưa thành niên, trước hết, cơ quan tiến hành tố tụng cần thu thập những tài liệu về hoàn cảnh gia đình của bị can như nghề nghiệp, trình độ học vấn, lối sống của cha, mẹ của người chưa thành niên, sự quan tâm của họ đối với con cái, tình trạng kinh tế gia đình của người chưa thành niên.

Bên cạnh đó, các cơ quan tiến hành tố tụng cần xác định rõ trình độ học vấn của người chưa thành niên. Đối với trường hợp khi phạm tội, người chưa thành niên đang còn đi học thì cần thu thập kết quả học tập của họ, xác định thái độ của người chưa thành niên trong việc học tập thông qua các đánh giá của nhà trường, thầy cô giáo và các bạn học của người chưa thành niên. Khoa học đã chứng minh con người chịu sự ảnh hưởng tác động qua lại của môi trường xung quanh, hành vi phạm tội không phải ngẫu nhiên hình thành, nó phát sinh không phải từ chính môi trường, chính bản thân người đó mà là do sự tác động qua lại giữa môi trường và cá nhân con người đó. Đối với người chưa thành niên ảnh hưởng của môi trường xung quanh càng thể hiện rõ hơn, đó là: điều kiện sinh sống của gia đình, thái độ, cách ứng xử của cha mẹ, những người thân trong gia đình; điều kiện học tập và sinh hoạt của họ ở nhà trường, đoàn thể, nơi cư trú.

Thứ ba, có hay không có người thành niên xúi giục; trong thực tế, chúng ta thường gặp những người chưa thành niên phạm tội là do sự xúi giục, khuyến khích của người thành niên. Do khả năng phân tích, đánh giá vấn đề còn hạn chế cho nên trẻ em thường chịu ảnh hưởng của các yếu tố ngoại cảnh. Người xấu thường lợi dụng sự bông bột, nhẹ dạ cả tin, khả năng phân tích tâm lý kém cùng với sự non yếu về kinh nghiệm sống của người chưa thành niên để lôi kéo họ vào con đường phạm tội. Đôi khi chúng còn đe dọa, khống chế buộc các em phải làm theo lời sai bảo phạm tội lúc nào không hay. Những người xấu thường dùng những thủ đoạn rất mưu mô xảo quyệt đánh vào điểm yếu của những người chưa thành niên như: đe dọa hoặc cưỡng bức chỉ phối về vật chất hoặc tinh thần để buộc người chưa thành niên trở thành người giúp sức cho người phạm tội. Ban đầu, chúng tìm cách tiếp cận tạo niềm tin nơi bọn trẻ, rồi dùng lời lẽ ngon ngọt, dùng đồng tiền hoặc vật chất để mua chuộc làm cho bọn trẻ mù quáng tin theo, chúng tạo ra những tình huống giả để bọn trẻ gặp nguy hiểm sau đó lại ra tay cứu giúp.

Như vậy, trong mắt người chưa thành niên chúng trở thành thần tượng, thành những hiệp sĩ anh hùng. Lúc này, người chưa thành niên trở nên rất dễ sai bảo, nghe lời chúng một cách tuyệt đối, và họ phạm tội lúc nào không hay. Hiện tượng người chưa thành niên phạm tội do sự xúi giục của người đã thành niên ngày càng phổ biến,

nhất là trong việc vận chuyển, mua bán chất ma túy, trộm cắp, cướp tài sản... Trong thực tế người xấu thường lợi dụng sự bông bột, nhẹ dạ, cả tin và sự non yếu về kinh nghiệm sống của người chưa thành niên để lôi kéo họ vào con đường phạm tội. Đôi khi chúng còn đe dọa hoặc khống chế buộc các em phạm tội. Phạm tội bị người khác đe dọa, cưỡng bức... là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Để việc xét xử khách quan, toàn diện và đầy đủ, đồng thời phát hiện cả những đồng phạm trong vụ án mà bị can, bị cáo là người chưa thành niên, thì trong khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, các thành viên Hội đồng xét xử cần phải xác định có hay không có người thành niên xúi giục hoặc các tình tiết khác có thể là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là người chưa thành niên.

Thứ tư, nguyên nhân và điều kiện phạm tội; trước hết, môi trường gia đình, nhà trường, xã hội là những nguyên nhân; đặc điểm tâm lý lứa tuổi người chưa thành niên là điều kiện ảnh hưởng và tác động lẫn nhau một cách biện chứng làm phát sinh tội phạm ở người chưa thành niên. Gia đình là trường học đầu tiên, từ khi sinh ra cho đến lúc trưởng thành, phần lớn thời gian đứa trẻ sống trong gia đình, cho nên gia đình giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách người chưa thành niên. Theo số liệu điều tra ở 521 học sinh của 3 cơ sở giáo dục (trường Giáo dưỡng số II-Ninh Bình; trại giam Thanh Xuân; Trường Phổ thông Nội trú dạy nghề số 1) năm 2003 thì có 32,6% xuất thân từ gia đình không hoàn thiện (mồ côi, bố mẹ ly dị...), 57,8% các em thuộc gia đình đông con, 13,4% có người nhà đã và đang cải tạo trong nhà giam (số liệu lấy từ nguồn điều tra xã hội học – xem Báo cáo tổng hợp đề tài khoa học "Những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm chưa thành niên trên địa bàn thành phố Hà Nội", Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội).

Theo số liệu của Bộ Công an thì tỷ lệ tội phạm trong số người chưa thành niên chủ yếu là do thiếu sự chăm sóc của bố mẹ và sự giáo dục không đầy đủ của gia đình. Nghiên cứu của Bộ Công an năm 2003 cũng chỉ ra nguyên nhân về gia đình: có tới 30% trẻ em phạm pháp có bố hoặc mẹ hoặc cả bố, mẹ nghiện hút, 28% trẻ em phạm pháp có gia đình tham gia vào các hoạt động phạm pháp, gần 8% trẻ em phạm pháp do bố mẹ ly hôn, 49% phàn nàn về cách đối xử của bố mẹ không đáp ứng được nhu cầu của bản thân. Người chưa thành niên đã chịu ảnh hưởng của nhiều gương xấu từ bố mẹ hoặc người lớn trong gia đình. Cũng theo số liệu điều tra 624 học sinh ở 3 trường giáo dưỡng thì có đến 30% người chưa thành niên phạm tội đã sống và lớn lên trong gia đình thiếu gương mẫu về đạo đức, quy tắc sống hỗn loạn, 21% sống trong gia đình chuyên làm ăn bất hợp pháp... Người chưa thành niên khi sống trong điều kiện này trở nên thực dụng chạy theo khoái cảm vật chất, nếu không xoay sở được tiền thì trộm cắp, cướp giật để kiếm tiền. Những cảnh sống không hòa thuận thường xảy ra mâu thuẫn, xung đột trong gia đình.

Ngoài ra còn phải kể đến phương pháp giáo dục trong gia đình không đúng đắn, đó là sự buông lỏng trong việc quản lý, không nghiêm khắc của người lớn trong gia đình đối với trẻ em. Chính những hành vi này của cha mẹ khiến cho nhiều trẻ mất đi sự dạy bảo mỗi khi có hành vi sai trái. Điều đó dẫn đến việc các em dần dần hình thành thói quen né tránh, giấu giếm lỗi lầm của mình dẫn tới tình trạng nhiều trẻ em hư hỏng có "thâm niên" mà gia đình không biết. Đôi khi người lớn trong gia đình lại thể hiện thái độ thực dụng chạy theo đồng tiền, cần tiền hơn cần chữ, khiến con cái bị sai lệch trong định hướng phấn đấu, sớm bỏ học để lao vào con đường kiếm tiền với nhiều mách khéo làm băng hoại tâm hồn trẻ thơ và từ đó nảy sinh tư tưởng bất chấp thủ đoạn để kiếm tiền. Có nhiều bố mẹ khi thấy con mình phạm tội đã ra sức chạy chọt, lo lót để được tha bổng hoặc giảm nhẹ tội. Chính những việc làm đó đã tiếp tay cho con cái họ coi thường pháp luật và tiếp tục trượt dài trên con đường phạm pháp.

Hiện nay các quan hệ gia đình truyền thống tốt đẹp của dân tộc đang có xu hướng bị xói mòn nghiêm trọng theo vòng xoáy của cơ chế thị trường. Điều này được thể hiện rõ qua việc ly hôn ngày càng gia tăng. Sự phá vỡ hạnh phúc gia đình do bố mẹ ly hôn đã cướp mất của trẻ em điểm tựa về tinh thần, nơi gửi gắm tình thương yêu đồng thời là nền tảng của sự chăm sóc, giáo dục trẻ em. Thay vì không khí gia đình ấm cúng, các em phải sống trong lạnh lùng, buồn trẻ, nhiều em mang tâm lý đau khổ dồn nén thậm chí chán đời, hận thù dẫn đến buông thả bản thân và lao vào cờ bạc, rượu chè, nghiện hút... và cuối cùng là phạm tội. Môi trường nhà trường còn chưa hoàn thiện, chất lượng giáo dục bị xuống cấp ở các nhà trường, thiếu sự quan tâm, chăm sóc của thầy cô giáo đã dẫn đến tình trạng học sinh bỏ học, vi phạm pháp luật ngày càng nhiều. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì ở nước ta có hơn 4 triệu trẻ em thất học, 6 triệu em bỏ học. Đây là một thiệt thòi lớn cho các em, gia đình và xã hội cũng là những tiền đề dẫn tới những hành vi tiêu cực.

Ngoài sự giáo dục của gia đình, nhà trường thì giáo dục còn là cả một quá trình mang tính xã hội. Nền kinh tế mở với cơ chế thị trường hiện nay đã tạo ra nhiều yếu tố tích cực, nhưng bên cạnh đó những yếu tố tiêu cực lôi kéo con người chạy theo vòng quay của đồng tiền, tạo ra một quan niệm sống cá nhân, ích kỷ, phi đạo đức. Chính vì vậy, một bộ phận thanh thiếu niên bị lôi kéo và trở thành hàng hóa hoặc bị lợi dụng để kiếm lời cho một số kẻ bất lương. Nhà nước và các tổ chức đoàn thể chưa thật sự quan tâm và đầu tư điều kiện vật chất đầy đủ cho các em vui chơi một cách lành mạnh. Sự buông lỏng kỷ cương trong lĩnh vực văn hóa đã làm cho các em bị lôi cuốn vào những phim ảnh, văn hóa phẩm đồi trụy, độc hại, các tệ nạn xã hội như tiêm chích, mại dâm... đã ăn vào tiềm thức các em khiến cho các em phạm tội lúc nào không hay. Tình trạng bất cập trong tổ chức cộng đồng, trong quản lý xã hội đã tác động sâu xa đến người chưa thành niên phạm tội. Việc tổ chức vui chơi, giải trí, xây dựng các công trình văn

hóa cho người chưa thành niên chưa được quan tâm thích đáng. Do đó, các em hay tụ tập lang thang ngoài đường phố dẫn đến những hành vi tiêu cực và tình trạng không có những cơ sở vui chơi lành mạnh nên người chưa thành niên rất dễ bị kẻ xấu lợi dụng lôi kéo, xúi giục phạm tội.

Việc giáo dục pháp luật của chúng ta vẫn chưa được chú ý thường xuyên, chưa được chính thức đưa vào giảng dạy trong các trường trung học cũng là một trong những nguyên nhân dẫn tới những hành vi phạm tội của người chưa thành niên. Đi đôi với việc giáo dục pháp luật chưa tốt là việc thực thi pháp luật của chúng ta chưa nghiêm. Có những trường hợp phạm tội nghiêm trọng nhưng việc xét xử của Tòa án chưa thật sự nghiêm khắc, đúng mức. Có những trường hợp tính chất, mức độ phạm tội tương tự như nhau, nhưng xét xử thiếu thống nhất, hình phạt rất khác nhau. Vì vậy, không được dư luận nhân dân đồng tình ủng hộ và tính chất răn đe, ngăn ngừa tội phạm không cao.

Chính sách của Nhà nước đối với người chưa thành niên hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, các tổ chức đoàn thể xã hội chưa có sự phối hợp đồng bộ và quan tâm đúng mức, còn không ít vấn đề đưa ra nhưng chưa thực hiện được, chưa tổ chức nhip nhàng và có hiệu quả một số nội dung và biện pháp đào tạo, giáo dục người chưa thành niên đã được đề ra trong các nghị quyết của Đảng. Sự thiếu gương mẫu trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và người lớn tuổi làm suy giảm lòng tin của các em, dẫn đến những hành vi thiếu đạo đức. Các điều kiện vật chất của xã hội dành cho sự nghiệp đào tạo, giáo dục thế hệ trẻ còn quá ít ỏi...

Ngoài ra còn phải kể đến những yếu tố khách quan do nền kinh tế thị trường mang lại, con lốc di cư từ nông thôn ra thành thị đã gây ảnh hưởng lớn đến tình hình trật tự và an toàn đô thị, trong đó có vấn đề phạm tội. Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở nước ta trong những năm đổi mới làm cho đời sống xã hội có nhiều thay đổi đa dạng và phức tạp hơn, đã xuất hiện một tỷ lệ đáng kể số người thất nghiệp tập trung ở các thành phố. Đi đôi với vấn đề thất nghiệp là sự phân hóa giàu nghèo ngày càng sâu sắc. Đó cũng là một yếu tố tác động tới các em có hoàn cảnh khó khăn để đi vào con đường thực hiện tội phạm. Ngoài những nguyên nhân tác động từ môi trường dẫn đến các em đến hành vi phạm tội còn phải kể đến những nguyên nhân chủ quan về mặt tâm sinh lý của người chưa thành niên.

Trước hết, phải kể đến các em phạm tội thường có trình độ học vấn thấp. Qua khảo sát 329 em ở trường giáo dưỡng số II Ninh Bình cho thấy từ lớp 1 đến lớp 4 có 44%, lớp 5 - 6 có 48,3%, không biết đọc, biết viết là 5,4%, số nhiều lần bị cảnh cáo hoặc đuổi học là 40,7% (nguồn điều tra xã hội học). Do trình độ nhận thức thấp dẫn đến thực trạng hiểu biết về pháp luật của các em còn nhiều hạn chế. Hiện tượng ấu trĩ

về pháp luật thể hiện rõ ở người chưa thành niên phạm tội có trên 60% các em bị bắt giữ chưa có hiểu biết tối thiểu về pháp luật. Tiếp đến, người chưa thành niên phạm tội đều là những người có thói quen xấu.

Thực tế cho thấy các em nghiện thuốc lá, thích rượu bia, nghiện ma túy, thích xem video đen. Các em phạm tội cũng là các em thường gây gổ đánh nhau. Điều đáng chú ý là các em trai coi hành động côn đồ, liều lĩnh của bạn bè là "đức tính dũng cảm". Chính vì vậy, dẫn các em đến các hành vi vi phạm pháp luật. Nhìn chung, người chưa thành niên phạm tội có thói tham lam, ích kỷ, vụ lợi, tâm lý tự hữu, ăn bám, lười lao động. Một số khác do ý thức vô tổ chức, coi thường pháp luật, thích đua đòi cùng bạn bè ăn chơi đàn đúm. Một số nữa do tác động tiêu cực của cơ chế thị trường đã chạy theo đồng tiền, thích làm giàu nhanh chóng và hưởng lạc nên đã bất chấp lương tâm, đạo lý và lao vào tội lỗi, mặc dù ít nhiều cũng biết đó là những việc làm mà pháp luật không cho phép. Đây chính là môi trường làm nảy sinh các hành vi sai lệch, phạm tội.

Tìm hiểu những nguyên nhân và điều kiện phạm tội là vấn đề rất cần thiết, vì vậy trong quá trình nghiên cứu hồ sơ, các thành viên Hội đồng xét xử cần phải xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội để có biện pháp xử lý đúng đắn và yêu cầu cơ quan hoặc tổ chức hữu quan áp dụng những biện pháp cần thiết nhằm khắc phục nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm tại các cơ quan hoặc tổ chức đó, góp phần vào việc đấu tranh chống tội phạm có hiệu quả. Sau đó, cần xác định các tài liệu, chứng cứ chứng minh thời điểm thực hiện hành vi phạm tội để làm cơ sở cho việc áp dụng chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội và thực hiện ngay việc định tội để xem xét hành vi của bị cáo cấu thành tội gì? Khung hình phạt ra sao? Đó là tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng; tội cố ý hay tội vô ý; đồng thời xác định chính xác độ tuổi cụ thể của bị cáo để khẳng định bị cáo có phải chịu trách nhiệm hình sự hay không theo quy định tại Điều 12 Bộ luật tố tụng hình sự: người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng. Nếu tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội mà bị cáo chưa đủ 16 tuổi và hành vi cấu thành tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng (tức là mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội đó là đến 7 năm tù) hoặc tuy là tội rất nghiêm trọng (mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội đó là đến 15 năm tù) nhưng do lỗi vô ý thì Thẩm phán căn cứ vào khoản 3 Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự ra quyết định đình chỉ vụ án. Đối với các vụ án có bị can, bị cáo là người chưa thành niên thì trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cần xem xét quyết định việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, nhất là biện pháp tạm giam. Chỉ có thể quyết định tạm giam bị cáo chưa thành niên để chuẩn bị xét xử trong những trường hợp được quy định tại Điều 303 Bộ luật tố tụng hình sự.

Những trường hợp không áp dụng biện pháp tạm giam thì giao bị cáo cho cha mẹ hoặc người đỡ đầu giám sát. Giai đoạn này cần kiểm tra xem bị cáo hoặc đại diện hợp pháp của họ có mời luật sư bào chữa không; đại diện hợp pháp của bị cáo có tự mình bào chữa cho bị cáo không. Nếu chưa có phải kịp thời yêu cầu đoàn Luật sư phân công văn phòng Luật sư cử Luật sư bào chữa cho bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Bộ luật tố tụng hình sự. Khi thành lập hội đồng xét xử cần chú ý mời Hội thẩm nhân dân là giáo viên hoặc cán bộ đoàn thanh niên tham gia Hội đồng xét xử, theo quy định tại khoản 1 Điều 307 Bộ luật tố tụng hình sự. Giai đoạn xét xử tại phiên tòa Thủ tục bắt đầu phiên tòa, theo quy định tại Điều 201 của Bộ luật tố tụng hình sự thì việc xét xử được tiến hành từ thủ tục bắt đầu phiên tòa, chủ tọa phiên tòa đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Thông qua nội dung của quyết định đưa vụ án ra xét xử, đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng biết được phiên tòa được triệu tập đúng thời hạn theo quy định của pháp luật hay không, đồng thời cũng thông qua quyết định đưa vụ án ra xét xử họ có thể biết được những người tham gia tố tụng mà Tòa án triệu tập, các vật chứng được đưa ra xem xét để có thể có những yêu cầu cần thiết.

Trong vụ án có bị cáo là người chưa thành niên thì sự có mặt của đại diện gia đình bị cáo hoặc đại diện nhà trường hoặc tổ chức xã hội tại phiên tòa là bắt buộc theo quy định của khoản 3 Điều 306 Bộ luật tố tụng hình sự. Cùng với việc kiểm tra căn cước những người tham gia tố tụng, Chủ tọa phiên tòa giải thích quyền và nghĩa vụ của họ, chủ tọa phiên tòa cần làm rõ thực tế những người đó đã được bảo đảm để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng như thế nào, đặc biệt là đối với bị cáo, như quyền và thời gian được nhận bản cáo trạng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc chấp nhận hay từ chối người bào chữa...

Thủ tục xét hỏi tại phiên tòa, xét hỏi tại phiên tòa là một phần của xét xử tại phiên tòa, trong đó Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tiến hành việc nghiên cứu và kiểm tra các chứng cứ, kết luận điều tra, bản cáo trạng một cách công khai về những tình tiết của vụ án. Trong giai đoạn xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phải trực tiếp nghiên cứu các chứng cứ của vụ án như: xét hỏi bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, nghe kết luận của người giám định, xem xét xác vật chứng, đọc biên bản, công bố lời khai, công bố các tài liệu, xem xét tại chỗ...

Theo quy định tại Điều 206 Bộ luật tố tụng hình sự, thì thủ tục xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm được bắt đầu bằng việc Kiểm sát viên đọc bản cáo trạng và trình bày những ý kiến bổ sung, nếu có. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát đọc xong bản cáo trạng, việc xét hỏi được tiến hành theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng hình sự.



Hội đồng xét xử phải xác định đầy đủ các tình tiết về từng việc và về từng tội của vụ án theo thứ tự xét hỏi hợp lý. Đây là quy định có tính hướng dẫn là chủ yếu, vì thực tiễn xét xử việc xét hỏi hay dở còn tùy thuộc vào năng lực của chủ tọa phiên tòa và các thành viên của Hội đồng xét xử, hỏi ai trước, hỏi việc gì trước là hoàn toàn do chủ tọa phiên tòa quyết định căn cứ vào kết quả điều tra cũng như thái độ khai báo của từng bị cáo.

Có người hỏi bị cáo trước, có người lại hỏi người bị hại trước, lại có người hỏi người làm chứng trước. Để bảo đảm việc xét hỏi tại phiên tòa đạt kết quả, nhất là những vụ án có nhiều bị cáo, phạm nhiều tội khác nhau, kinh nghiệm xét xử cho thấy, chủ tọa phiên tòa thường chuẩn bị một đề cương xét hỏi. Dựa vào đề cương để xét hỏi nhằm xác định hành vi phạm tội của từng bị cáo, của từng tội mà bị cáo bị truy tố. Theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng hình sự thì, khi xét hỏi từng người, chủ tọa phiên tòa hỏi trước rồi đến các Hội thẩm, sau đó đến Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự. Những người tham gia phiên tòa cũng có quyền đề nghị với chủ tọa phiên tòa hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ.

Người giám định được hỏi về những vấn đề có liên quan đến việc giám định.

Chủ tọa phiên tòa là người điều khiển việc xét hỏi, áp dụng các biện pháp được Bộ luật tố tụng hình sự quy định để nghiên cứu các tình tiết của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, nhằm xác định sự thật của vụ án, đồng thời loại bỏ những tình tiết không liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử chỉ được lấy những chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa để làm căn cứ khi ra bản án. Ngoài việc tuân theo các quy định chung về việc xét hỏi tại phiên tòa đối với các vụ án bình thường, việc xét hỏi tại phiên tòa đối với các vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên cần được thực hiện một cách từ tốn, nhẹ nhàng, tránh gay gắt để giúp cho họ bình tĩnh khai báo đúng sự thật khách quan. Hội đồng xét xử có thái độ phù hợp để động viên bị cáo khai báo, trường hợp nếu bị cáo quá sợ hãi hoặc vì lý do nào đó (ví dụ sự có mặt của người lớn nào đó, kể cả bị cáo là người thành niên khác) mà không thể khai báo thì Chủ tọa phiên tòa có thể cách ly người đó trong khi xét hỏi bị cáo chưa thành niên hoặc tạm thời chuyển sang xét hỏi người khác để bị cáo có thời gian và điều kiện trấn tĩnh.

Việc xét hỏi đại diện gia đình, nhà trường ... để xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội là rất cần thiết đối với việc xử lý vụ án nói chung và biện pháp lý hình sự đối với bị cáo chưa thành niên nói riêng. Đại diện gia đình, nhà trường được trình bày các chứng cứ, đưa ra các yêu cầu và nếu được chủ tọa đồng ý có thể hỏi bị cáo.

Việc xét hỏi tại phiên tòa là một giai đoạn rất quan trọng, đây là giai đoạn có tính chất quyết định để chứng minh bị cáo có tội hay không có tội, nếu có tội thì đó là tội

gi? Hoạt động điều tra ở giai đoạn điều tra cũng là nhằm mục đích chứng minh tội phạm, tuy nhiên nó được tiến hành một cách bán công khai và chủ yếu là thu thập chứng cứ, còn xét hỏi tại phiên tòa là hoạt động điều tra hoàn toàn công khai và chủ yếu là kiểm tra lại những chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án, nghe những người tham gia phiên tòa tranh tụng, bảo vệ hoặc phản bác những tình tiết của vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập trong giai đoạn điều tra.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì việc xét hỏi tại phiên tòa phải được thực hiện bằng việc hỏi và đáp. Tuy nhiên trong một số trường hợp người được hỏi vắng mặt tại phiên tòa hoặc tuy họ có mặt nhưng việc khai báo có mâu thuẫn với lời khai của họ tại Cơ quan điều tra, thậm chí có trường hợp họ không khai báo thì Hội đồng xét xử có thể công bố lời khai của họ. Mục đích của việc công bố lời khai tại Cơ quan điều tra không phải để "khuất phục" bị cáo hoặc những người tham gia tố tụng mà là để bảo đảm nguyên tắc khi nghị án, các chứng cứ và tài liệu mà Hội đồng xét xử căn cứ vào đó để xem xét kết luận đã được thẩm tra tại phiên tòa trong đó có cả những lời khai của người tham gia tố tụng tại Cơ quan điều tra mà lời khai đó cần phải thẩm tra tại phiên tòa. Mọi nhận định đánh giá về tính trung thực khách quan về lời khai của người tham gia tố tụng sẽ được Hội đồng xét xử trình bày ở phần nhận xét trong bản án chứ không phải trong quá trình xét hỏi tại phiên tòa.

Sau khi đã xem xét đầy đủ các tình tiết của vụ án, chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người khác tham gia phiên tòa xem có ai yêu cầu xét hỏi thêm vấn đề gì nữa không. Nếu có người yêu cầu và chủ tọa phiên tòa xét thấy yêu cầu đó là cần thiết thì quyết định tiếp tục việc xét hỏi. Nếu không ai yêu cầu hoặc có yêu cầu nhưng chủ tọa phiên tòa thấy yêu cầu đó là không cần thiết thì tuyên bố kết thúc việc xét hỏi tại phiên tòa và chuyển sang phần tranh luận. Thủ tục tranh luận tại phiên tòa, là một giai đoạn tố tụng quan trọng trong hoạt động xét xử của Tòa án. Thông qua việc tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nghe ý kiến của bị cáo, người bào chữa, đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng khác về việc đánh giá chứng cứ, nhận thức về các quy định của pháp luật, nhất là các quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử cũng nghe được các lập luận buộc tội cũng như gỡ tội để giúp cho việc ra quyết định giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác. Vì thế trong giai đoạn này, Hội đồng xét xử không tham gia tranh luận mà chỉ điều khiển phiên tòa để bảo đảm cho việc tranh luận được tiến hành khách quan, tích cực, tạo điều kiện cho những người tham gia tố tụng được trình bày đầy đủ ý kiến của mình về những nội dung liên quan đến vụ án. Trong vụ án có bị cáo chưa thành niên, ngoài người bào chữa tham gia tranh luận thì đại diện hợp pháp của vị cáo, đại diện nhà trường hoặc tổ chức xã hội... cũng tham gia tranh luận để bào chữa cho bị cáo.

Theo quy định tại Điều 217 của Bộ luật tố tụng hình sự thì trình tự phát biểu khi tranh luận tại phiên tòa là bắt buộc và theo thứ tự sau: Sau khi kết thúc việc xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, trong bản luận tội Kiểm sát viên phải căn cứ vào những chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa mà đánh giá chứng cứ, xác định những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị với Tòa án quyết định việc bị cáo có phạm tội hay không phạm tội, nếu kết luận bị cáo có tội thì đề nghị giải quyết về hình sự và giải quyết việc bồi thường thiệt hại (nếu có).

Trong khi luận tội, Kiểm sát viên có những quyền quy định tại khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng hình sự, Kiểm sát viên không có quyền kết luận về tội danh nặng hơn tội danh đã truy tố, vì theo quy định tại Điều 196 của Bộ luật tố tụng hình sự, thì Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa ra xét xử. Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố. Đối với vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại thì sau khi đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội, chủ tọa phiên tòa để người bị hại trình bày lời buộc tội đối với bị cáo.

Sau khi Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với bị cáo tại phiên tòa, người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo mà mình nhận bào chữa, sau khi người bào chữa trình bày xong, đại diện gia đình bị cáo tham gia tranh luận rồi đến bị cáo bị cáo trình bày ý kiến bổ sung. Thông thường, đại diện gia đình bị cáo chưa thành niên tham gia tranh luận trước phiên tòa với hai tư cách tố tụng:

- Bào chữa, bảo vệ quyền lợi cho bị cáo chưa thành niên;

- Bảo vệ quyền lợi cho cá nhân mình với tư cách là bị đơn hoặc đồng bị đơn dân sự. Vì ngoài việc bào chữa cho hành vi phạm tội của con em mình, Bộ luật dân sự còn quy định trách nhiệm của họ về việc bồi thường thiệt hại do người chưa thành niên gây ra. Đối với trường hợp đại diện gia đình bị cáo chưa thành niên tham gia phiên tòa và thực hiện việc bào chữa cho bị cáo, trong trường hợp đó, nếu bị cáo và đại diện gia đình bị cáo không yêu cầu thì Tòa án không nhất thiết phải yêu cầu Đoàn luật sư phân công văn phòng luật sư cử Luật sư bào chữa cho bị cáo, vì: theo quy định tại Điều 58 Bộ luật tố tụng hình sự thì đại diện hợp pháp của bị cáo cũng có thể là người bào chữa của họ. Người bảo vệ quyền lợi của đương sự và đương sự trình bày ý kiến. Đương sự bao gồm: người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Trong phần tranh luận họ cũng có quyền trình bày ý kiến bảo vệ quyền lợi cho mình. Vấn đề này thì trong tất cả các vụ án hình sự kể cả bị cáo là người chưa thành niên hay người thành niên cũng áp dụng như nhau.

Theo quy định tại Điều 218 Bộ luật tố tụng hình sự thì bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến về lời luận tội của Kiểm sát viên và đưa ra đề nghị của mình; Kiểm sát viên phải đưa ra những lập luận của mình đối với từng ý kiến. Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến, nhưng có quyền cắt những ý kiến không có liên quan đến vụ án. Chủ tọa phiên tòa có quyền đề nghị Kiểm sát viên phải đáp lại những ý kiến có liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được Kiểm sát viên tranh luận.

Nguyên tắc xét xử trực tiếp đòi hỏi những người tham gia tranh luận chỉ được viện dẫn những chứng cứ đã được xem xét trong phần xét hỏi tại phiên tòa, do đó Kiểm sát viên, người bào chữa và bị cáo, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và các đương sự đều phải căn cứ vào những chứng cứ đã được xem xét trong phần xét hỏi tại phiên tòa, không được đưa ra những chứng cứ mà chưa được xét hỏi tại phiên tòa. Nếu có yêu cầu xuất trình chứng cứ mới thì những người tham gia tranh luận có thể yêu cầu Hội đồng xét xử trở lại phần xét hỏi tại phiên tòa hoặc qua tranh luận mà Hội đồng xét xử thấy cần xem xét thêm chứng cứ thì quyết định trở lại xét hỏi. Nếu trở lại việc xét hỏi, thì sau khi xét hỏi xong phải tiếp tục thủ tục tranh luận như quy định tại Điều 217 và Điều 218 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo nói lời sau cùng là sau khi bị cáo đã trình bày ý kiến của mình thì không ai được trình bày thêm nữa mà chủ tọa phiên tòa phải tuyên bố Hội đồng xét xử nghị án. Nói chung, trên thực tiễn quy định này được thực hiện một cách nghiêm túc. Bộ luật tố tụng hình sự quy định bị cáo được nói lời sau cùng là bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo. Trong lời nói sau cùng, bị cáo có quyền trình bày tất cả những gì mà họ thấy cần phải nói, thái độ của mình đối với việc buộc tội, đề nghị Hội đồng xét xử lưu ý tình tiết này hay tình tiết khác của vụ án. Hội đồng xét xử phải lắng nghe lời nói cuối cùng của bị cáo, kể cả việc họ tự bào chữa mà trong phần tranh luận họ đã trình bày. Đối với bị cáo bị đuổi ra khỏi phòng xử án vì vi phạm nội quy phiên tòa thì không được nói lời sau cùng. Nếu trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày thêm tình tiết mới có ý nghĩa quan trọng đối với vụ án thì Hội đồng xét xử phải quyết định trở lại việc xét hỏi.

Sau khi xét hỏi chủ tọa phiên tòa phải thực hiện đúng các bước như quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thủ tục nghị án và tuyên án, chỉ Thẩm phán và Hội thẩm là thành viên Hội đồng xét xử mới có quyền nghị án. Các thành viên Hội đồng xét xử phải giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án bằng cách biểu quyết theo đa số về từng vấn đề một; cụ thể là các vấn đề chính sau: căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, qua việc xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa đã đủ căn cứ kết tội

bị cáo hay chưa? Nếu đã đủ căn cứ kết tội thì bị cáo phạm tội gì, theo điểm, khoản, điều luật nào của Bộ luật hình sự? Hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp đối với bị cáo. án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm. Kiến nghị sửa chữa những khuyết điểm trong công tác quản lý.

Việc nghị án đối với vụ án có bị cáo là người chưa thành niên phạm tội vẫn thực hiện theo quy định tại Điều 222 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình nghị án, Hội đồng xét xử cần đặc biệt chú ý đến chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định trong Bộ luật hình sự. Cụ thể: Theo quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự bị cáo có phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đã thực hiện hay không? Theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự thì: "1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. 2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng". Đây là các quy định đặc thù đối với người chưa thành niên phạm tội.

Các quy định này thể hiện thái độ của Nhà nước đối với người chưa thành niên phạm tội, đồng thời thể hiện yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Người chưa thành niên là người chưa phát triển đầy đủ về thể chất cũng như về tâm – sinh lý, trình độ nhận thức và kinh nghiệm sống của họ còn bị hạn chế. Do đó cần xác định chính xác họ có phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi nguy hiểm cho xã hội mà họ thực hiện hay không để tránh làm oan người vô tội và bỏ lọt tội phạm. Bị cáo có đủ điều kiện để miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 69 Bộ luật hình sự không? Theo quy định này thì người chưa thành niên có thể được miễn trách nhiệm hình sự nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục.

**TTBD ĐBDC**

Có cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo không, hay chỉ cần áp dụng các biện pháp tư pháp theo quy định tại Điều 70 Bộ luật hình sự. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người chưa thành niên phạm tội và áp dụng hình phạt đối với họ được thực hiện chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, vào những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm. Nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội thì Tòa án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp là giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào trường giáo dưỡng. Khi áp dụng hình phạt, cần chú ý các điều kiện áp dụng và nội dung các hình phạt được áp dụng với người chưa thành niên như: Không áp dụng hình phạt tù chung thân, tử hình đối với người chưa thành niên phạm tội; Phạt tiền chỉ áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thu nhập; Không khấu

trừ thu nhập của người chưa thành niên bị phạt cải tạo không giam giữ; Mức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù đối với người chưa thành niên thấp hơn đối với người chưa thành niên thấp hơn đối với bị cáo thành niên theo quy định tại các Điều 72, 73 và 74 Bộ luật hình sự;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người chưa thành niên phạm tội; Việc tổng hợp hình phạt phải tuân theo quy định của Điều 75 Bộ luật hình sự. Cần chú ý đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên, nhà trường... đối với thiệt hại do người chưa thành niên gây ra theo quy định của Bộ luật dân sự: người dưới 15 tuổi hoặc trên 15 tuổi đến dưới 18 tuổi nhưng không có tài sản riêng gây thiệt hại thì bố mẹ, người giám hộ... phải bồi thường, người trên 15 tuổi có tài sản riêng thì phải bồi thường; nhà trường, tổ chức quản lý người chưa thành niên phải liên đới bồi thường nếu có lỗi trong quản lý người chưa thành niên dưới 15 tuổi để người đó gây thiệt hại...

Thành viên của Hội đồng xét xử có ý kiến thiếu số thì có quyền (không phải là nghĩa vụ) trình bày ý kiến của mình bằng văn bản riêng và được đưa vào hồ sơ vụ án. Nếu qua nghị án mà Hội đồng xét xử nhất trí với quyết định của Kiểm sát viên về việc rút toàn bộ truy tố thì ra bản án tuyên bố bị cáo không phạm tội. Việc ra bản án này có ý nghĩa là Tòa án đã xét xử vụ án và xác định bị cáo không phạm tội. Vì vậy, lý do tuyên bố bị cáo không phạm tội phải ghi rõ trong bản án là hành vi của bị cáo chưa đến mức phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không có tội phạm xảy ra hoặc không có đủ căn cứ để kết tội bị cáo... Khi có một trong những căn cứ quy định tại Điều 107 của Bộ luật tố tụng hình sự thì Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án.

Đối với bản án, trong phần nhận định của bản án buộc tội cần phân tích sự cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo chưa thành niên. Viện dẫn và phân tích hành vi phạm tội cũng như các quy định của Bộ luật hình sự để khẳng định trách nhiệm hình sự của bị cáo. Trong bản án cũng cần phân tích, nhận định căn cứ và sự cần thiết của việc áp dụng đối với bị cáo các biện pháp tư pháp (buộc giáo dục tại xã, phường hay đưa vào trường giáo dưỡng) hay hình phạt nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội như Điều 69 Bộ luật hình sự đã quy định. Bản án đối với người chưa thành niên phạm tội cần được nhận định và phân tích sâu sắc hơn, cụ thể hơn về nguyên nhân, điều kiện phạm tội, về điều kiện sống và giáo dục của người chưa thành niên và trách nhiệm của gia đình, nhà trường cũng như tổ chức xã hội trong việc để cho người đó thực hiện tội phạm. Trong những trường hợp cần thiết, Hội đồng xét xử cần có những kiến nghị khắc phục các nguyên nhân và điều kiện phạm tội đó. Sau khi đọc xong bản

án, tùy vào từng trường hợp cụ thể, chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên khác của Hội đồng xét xử giải thích thêm về việc chấp hành bản án và quyền kháng cáo.

Ví dụ: Tòa án xử phạt tù bị cáo, nhưng cho hưởng án treo, thì có thể giải thích thêm cho người được hưởng án treo biết về quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 60 của Bộ luật hình sự; Tòa án xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ, thì có thể giải thích thêm cho họ biết quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo không biết tiếng Việt, thì ngay sau khi tuyên án người phiên dịch phải đọc lại cho bị cáo nghe toàn bộ bản án sang thứ tiếng mà bị cáo biết. Bản án quy định tại đoạn 2 Điều 226 của Bộ luật tố tụng hình sự cần được hiểu là phần bản án có liên quan đến bị cáo không biết tiếng Việt, có nghĩa là người phiên dịch chỉ phải đọc lại cho bị cáo nghe toàn bộ phần bản án có liên quan đến bị cáo không biết tiếng Việt.

### **3. Thực tiễn áp dụng thủ tục xét xử vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên từ năm 1998 đến năm 2005**

#### ***3.1. Thực tiễn xét xử đối với người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam***

Thứ nhất, về tình hình thụ lý vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên: Trong những năm qua, mặc dù tình hình trật tự trị an của xã hội đã được ổn định và tiếp tục giữ vững, nhưng tình hình tội phạm nhìn chung lại chưa có chiều hướng giảm như mong muốn. Nhất là tội phạm đối với người chưa thành niên, hiện tượng này đã gây những băn khoăn, lo lắng cho xã hội, cho nhà trường và cho gia đình. Theo con số thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, thì số bị cáo là người chưa thành niên bị Tòa án đưa ra xét xử như sau:

Trong những năm gần đây, tội phạm tăng giảm phức tạp đặc biệt đối với tội phạm do người chưa thành niên thực hiện, phức tạp hơn nhiều so với diễn biến tội phạm thông thường. Nhìn chung, tỷ lệ số bị cáo là người chưa thành niên phạm tội bị Tòa án xét xử so với tổng số bị cáo bị Tòa án đưa ra xét xử hàng năm giao động từ khoảng 5% đến 5,9%. Bị cáo là người chưa thành niên giảm dần theo thời gian, tuy nhiên số bị cáo chưa thành niên so với tổng số bị cáo bị Tòa án đưa ra xét xử thì lại tăng giảm thất thường.

Theo quy định tại Điều 145 Bộ luật hình sự năm 1988, về cơ bản Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội chỉ xét xử những tội phạm do người chưa thành niên thực hiện mà mức hình phạt cao nhất trong khung hình phạt đối với tội ấy là trên 7 năm tù. Như vậy, từ năm 1998 đến năm 2003 số lượng bị cáo là người chưa thành niên có năm tăng, có năm giảm, bình quân mỗi năm Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử 147 bị cáo là người chưa thành niên, chiếm khoảng 5,61% tổng số bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm hình sự. Đặc biệt năm 2001, số người chưa thành

niên phạm tội chiếm tỷ lệ cao nhất là 10,46%. Năm 2004 và 2005, thực hiện Điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội chỉ xét xử người chưa thành niên phạm các tội có mức cao nhất của khung hình phạt đến tử hình. Tuy nhiên, do thực hiện Nghị quyết số 509/2004/NQ-UBTVQH 11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của ủy ban thường vụ Quốc hội về việc giao thẩm quyền xét xử theo qui định của khoản 1 Điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự, trong đó Hà Nội có 8/14 quận huyện được tăng thẩm quyền (xét xử theo thẩm quyền mới), còn lại 6/14 quận, huyện chưa được tăng thẩm quyền mà vẫn áp dụng Điều 145 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988.

Đối với các tội phạm do người chưa thành niên thực hiện ở các quận, huyện chưa được tăng thẩm quyền mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên 7 năm tù vẫn do Tòa án thành phố xét xử. Nhìn chung sau khi có sự thay đổi của pháp luật tố tụng hình sự như đã nêu trên thì số lượng bị cáo là người chưa thành niên bị Tòa án thành phố xét xử có giảm so với các năm trước nhưng giảm không nhiều và tương ứng với số vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án thành phố giảm đi thì tỷ lệ bị cáo là người chưa thành niên vẫn ở mức cao, tính trung bình 2 năm 2004 và 2005, số bị cáo chưa thành niên chiếm trên 12% so với tổng số bị cáo đã bị xét xử.

Thứ hai, về tính chất mức độ hành vi phạm tội do người chưa thành niên thực hiện: Từ những năm 90 trở về trước, hành vi phạm tội của những người chưa thành niên thường là những hành vi đơn giản, ít nghiêm trọng, không ảnh hưởng lớn đến trật tự trị an xã hội, đến cơ cấu của gia đình, đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Thế nhưng, từ những năm 1998, 1999 trở lại đây, các tội phạm do người chưa thành niên gây ra thường là nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, thậm chí có cả tội phạm đặc biệt nghiêm trọng như giết người, cướp tài sản, hiếp dâm mà nạn nhân là các em gái chưa thành niên. Nếu trước những năm 90 thủ đoạn phạm tội của người chưa thành niên thường là do tính tình bông bột, đua đòi theo bạn bè, thiếu suy nghĩ, khả năng hạn chế trước những nhu cầu ham muốn kém, thì những năm gần đây hành vi phạm tội của người chưa thành niên là có sự chuẩn bị, có dự kiến, thủ đoạn phạm tội khôn ngoan, tinh vi, xảo quyệt hơn, thậm chí còn mang tính chất côn đồ, hung hãn; phạm tội thành băng nhóm. Nhiều bị cáo đã bị Tòa án tuyên mức hình phạt cao so với luật định. Chúng tôi xin lấy một số con số về tội phạm nguy hiểm cho xã hội mà trước đây người chưa thành niên ít khi và hầu như trong công tác xét xử của Tòa án không mấy khi gặp phải như:

Như vậy, qua con số thống kê trên đây cho thấy tội phạm do những người chưa thành niên thực hiện diễn biến khá phức tạp. Trong số các tội phạm do người chưa thành niên thực hiện nêu trên thì loại tội phạm chiếm tỷ lệ cao nhất là tội trộm cắp tài sản, là loại tội mà người chưa thành niên thực hiện rất phổ biến, thủ đoạn phạm tội



thường ít tinh vi, xảo quyệt, thông thường thấy có sơ hở trong bảo quản tài sản là tiền hành trộm cắp ngay, từ đó cho thấy tính chất cơ hội trong hoạt động trộm cắp của người chưa thành niên để có phương hướng xử lý giáo dục đối với họ cho phù hợp. Hiện nay tội trộm cắp tài sản chủ yếu là đối tượng xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện. Tiếp theo tội trộm cắp tài sản, là tội cướp tài sản, loại tội phạm này thường được thực hiện bởi những người chưa thành niên có thói hung hãn, chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi các loại phim ảnh hành động, dễ bị kích động nên có hành vi bạo lực, thông thường hoạt động phạm tội có tính chất trắng trợn, lợi dụng số đông gây áp lực hoặc sử dụng bạo lực, hung khí để chiếm đoạt tài sản.

Sau tội cướp tài sản là tội giết người, là loại tội phạm chiếm tỷ lệ tương đối cao trong số tội phạm là người chưa thành niên, đây là loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng mà người chưa thành niên đã gây ra, tạo nên dư luận xấu trong xã hội. Về động cơ, mục đích phạm tội có khác nhau, có em do mâu thuẫn, thù tức nhau, có em do nghịch ngợm, có em do không hiểu biết pháp luật, không nhận thức được đầy đủ về việc làm của mình dẫn đến phạm tội giết người.

Cuối cùng trong số các loại tội phạm do người chưa thành niên thực hiện mà chúng tôi nêu trên là tội Hiếp dâm, đây là loại tội chiếm tỷ lệ tương đối lớn ở người chưa thành niên và là một trong những loại tội nghiêm trọng mà người chưa thành niên mắc phải, hầu hết họ phạm vào tội này là do ảnh hưởng của văn hóa phẩm đồi trụy, ảnh hưởng từ phim "sex" vẫn đang được lên lút lưu hành trên thị trường cùng với tác động tiêu cực của những tụ điểm cà phê đèn mờ, karaoke có chứa chấp gái mại dâm... Tội phạm hiếp dâm của người chưa thành niên cũng đáng làm cho gia đình và xã hội quan ngại. Do sự lan truyền của các luồng văn hóa phẩm độc hại và do sự yếu kém trong việc quản lý của gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội mà người chưa thành niên đã có hành vi hiếp dâm mà trước đây chỉ do người lớn thực hiện. Đây còn là vấn đề cho thấy sự thiếu quan tâm, giáo dục của gia đình và xã hội đối với các em, dẫn đến việc các em có hành vi phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật hoặc do coi thường pháp luật.

Thứ ba, về việc thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác xét xử các vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên: Trong thời gian qua, nhìn chung các Tòa án đã thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật trong việc xét xử đối với các vụ án hình sự có bị cáo là người chưa thành niên, về quyền bào chữa của bị cáo tại phiên tòa, pháp luật luôn luôn yêu cầu Tòa án tạo điều kiện cho người đại diện hợp pháp của bị cáo có thể lựa chọn người bào chữa hoặc tự mình bào chữa cho bị cáo. Trong trường hợp bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của bị cáo không lựa chọn người bào chữa, thì hầu hết Tòa án các cấp đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

là yêu cầu Đoàn luật sư phân công Văn phòng luật sư cử người bào chữa cho bị cáo hoặc đề nghị ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức thành viên của mặt trận cử người bào chữa cho thành viên của tổ chức mình.

Chúng ta đều biết rằng, không ai có thể bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Chính vì thế, pháp luật quy định thành phần Hội đồng xét xử bị cáo chưa thành niên phạm tội rất chặt chẽ, và đặc biệt hơn cả là thành phần Hội đồng xét xử phải có một Hội thẩm nhân dân là giáo viên hoặc là cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Trên thực tế, Tòa án các cấp cũng đã áp dụng nghiêm chỉnh quy định này. Ngoài ra, Tòa án các cấp luôn luôn tạo điều kiện để đại diện gia đình của bị cáo, thầy giáo, cô giáo, đại diện nhà trường, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức khác nơi người chưa thành niên học tập, lao động và sinh sống thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quyết định của Tòa án.

Phiên tòa xét xử người chưa thành niên phạm tội theo pháp luật quy định là Tòa án phải xét xử công khai, nhưng trong trường hợp để bảo vệ danh dự, uy tín và các yêu cầu chính đáng khác của họ, thì Tòa án có thể quyết định xét xử tại một phiên tòa kín, nhưng khi tuyên án thì Tòa án phải tuyên án một cách công khai. Thực hiện theo tinh thần quy định này, trong thời gian qua Tòa án các cấp đã áp dụng đối với một số trường hợp nhằm tránh gây ảnh hưởng xấu đến tương lai của người chưa thành niên. Tuy nhiên, qua tìm hiểu thực tiễn xét xử thì vẫn còn một số ít Tòa án chưa thực hiện đúng về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội, chưa nắm bắt đúng về đường lối xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội của Đảng và Nhà nước đề ra.

Trong quá trình xét xử, việc xác định tuổi của bị cáo chưa thành niên là rất quan trọng nhưng vẫn có những trường hợp xác định tuổi của bị cáo chưa chính xác... song những vi phạm về thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội này chưa đến mức nghiêm trọng, chỉ thuộc trường hợp các Tòa án cần rút kinh nghiệm, chưa đến mức bị Tòa án cấp trên hủy án. Qua nghiên cứu các bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử đối với người chưa thành niên phạm tội chúng tôi đã phát hiện ra trường hợp: Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2001/HSST xét xử bị cáo Võ Văn Dũng, sinh ngày 29/11/1985, có hành vi dùng dao đâm chết bà Nguyễn Thị Hảo ở phố Lý Quốc Sư, Hà Nội vào ngày 13/7/2000, khi phạm tội Võ Văn Dũng 14 tuổi 7 tháng 14 ngày, Bản án đã quyết định xử phạt bị cáo 12 năm tù về tội Giết người, buộc đại diện gia đình bị cáo phải bồi thường cho người bị hại tiền chi phí mai táng và tiền tổn thất về tinh thần. Trong thời gian bà Hoàng Thị Trang là mẹ bị cáo Dũng-đại diện gia đình bị cáo kháng cáo chờ Tòa phúc thẩm xét xử lại, bà Trang đã cung cấp bản sao giấy khai sinh đề ngày sinh của Dũng là 17/11/1986 cùng một số

giấy tờ xác nhận cho Tòa phúc thẩm -Tòa án nhân dân Tối cao để chứng minh Dũng không phải sinh ngày 29/11/1985 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố đối với bị cáo. Căn cứ vào tài liệu của bà Trang cung cấp, Tòa phúc thẩm -Tòa án nhân dân Tối cao đã ra quyết định số 2024 ngày 6/12/2001, hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 08 ngày 5/11/2001 của Tòa án thành phố Hà Nội, điều tra xét xử lại để xác định rõ ngày tháng năm sinh của bị can Võ Văn Dũng. Sau khi điều tra bổ sung, cơ quan điều tra phát hiện vào thời gian khoảng năm 2001, bà Trang đã đến ủy ban nhân dân xã Sơn Cẩm cấp bản sao giấy khai sinh cho con bà là Hoàng Văn Dũng, bà nại ra việc xin cho con vào trường dân tộc nội trú, do nể bà Trang nên ông Trần Thế Dân-Cán bộ ủy ban đã cấp bản sao giấy khai sinh số 622/1998 ngày 26/4/2001 cho bà Trang và sửa lại ngày tháng năm sinh của Võ Văn Dũng từ ngày 29/11/1985 thành Hoàng Văn Dũng sinh ngày 17/11/1986. Tại sổ gốc giấy khai sinh số 356 quyển 6 ở UBND xã Sơn Cẩm, Phú Lương, Thái Nguyên ghi Võ Văn Dũng sinh ngày 29/11/1985; trong sổ hộ khẩu mẫu NK3 công an thị trấn Chợ Chu đang quản lý thì Võ Văn Dũng có hộ khẩu thôn Hợp Thành, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa, Thái Nguyên có bố là Võ Văn Sơn và mẹ là Hoàng Thị Trang ghi Võ Văn Dũng sinh ngày 29/11/1985. Căn cứ vào các tài liệu thu thập được và lời khai của các nhân chứng có đủ cơ sở kết luận Võ Văn Dũng đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội Giết người do dũng gây ra. Vụ án này được xét xử sơ thẩm bị cáo không kháng cáo, đại diện gia đình bị cáo kháng cáo, vì muốn chạy tội cho con mình mà người đại diện hợp pháp của bị cáo (mẹ bị cáo) đã đưa ra những bằng chứng giả mạo về tuổi của bị cáo để chứng minh bị cáo chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự, gây khó khăn cho các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, đặc biệt là làm kéo dài quá trình giải quyết vụ án. Rõ ràng việc xác định tuổi của bị cáo hết sức quan trọng, ngoài việc bảo vệ quyền lợi của người chưa thành niên phạm tội mà còn có ý nghĩa trừng trị tội phạm để đảm bảo tác dụng cải tạo giáo dục người phạm tội và răn đe phòng ngừa chung.

Thứ tư, về việc áp dụng hình phạt: Trong những năm qua Tòa án nhân dân các cấp đã quán triệt tinh thần nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với người chưa thành niên phạm tội, đã áp dụng các hình phạt chính như: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù có thời hạn và bên cạnh đó Tòa án cũng có áp dụng các biện pháp tư pháp như: giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đưa vào trường giáo dưỡng nhưng với tỷ lệ không lớn so với các hình phạt khác. Các hình phạt và các biện pháp tư pháp được áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật hình sự. Qua tổng kết xét xử thì Tòa án các cấp chỉ áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với người chưa thành niên phạm tội trong trường hợp vụ án có nhiều bị cáo và có nhiều lý do không thể tách họ riêng ra để miễn truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt chính là phạt tiền đối với người chưa thành niên phạm tội, đây là một loại hình phạt mới, trước đây pháp luật hình sự của Nhà nước ta không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người chưa thành niên phạm tội. Từ khi Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực pháp luật đến nay cho thấy việc áp dụng hình phạt này đối với người chưa thành niên phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nhưng phải với điều kiện là người đó có thu nhập hoặc tài sản riêng. Về việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội cũng đã được Tòa án các cấp áp dụng, nhưng không nhiều. Bởi vì khi áp dụng hình phạt này Tòa án không khấu trừ thu nhập của người phạm tội và một nguyên nhân nữa cũng giống như nguyên nhân không hoặc ít áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với người chưa thành niên phạm tội mà chúng tôi vừa trình bày ở trên. Nói như vậy không có nghĩa là Tòa án tuyệt nhiên không áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội trong quá trình xét xử của Tòa án. Vì hình phạt này cũng như hình phạt cảnh cáo và hình phạt tiền không buộc người chưa thành niên phải cách ly xã hội mà giao người bị kết án cho cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục và gia đình giám sát, giáo dục. Để tạo cơ sở cho Tòa án khi xét xử cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội, ngày 30-10-2000 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 60/2000/NĐ-CP quy định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Nghị định đã quy định rất cụ thể về quyền và nghĩa vụ của người bị kết án, trách nhiệm và quyền của cơ quan, tổ chức, gia đình trong việc giám sát giáo dục người chưa thành niên bị kết án. Sau khi Nghị định có hiệu lực pháp luật, việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội tăng lên đáng kể so với khi chưa có Nghị định.

Thực tiễn áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là người chưa thành niên cho thấy, Tòa án bao giờ cũng quyết định trên cơ sở xem xét nhiều khía cạnh như: nhân thân, hoàn cảnh của người phạm tội, nguyên nhân dẫn đến việc người chưa thành niên thực hiện tội phạm, ý kiến của gia đình, nhà trường, tổ chức để tìm ra một phương thức cải tạo kết hợp với giáo dục tối ưu nhất để áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo sao cho phù hợp nhất, chính vì vậy Tòa án nhân dân các cấp thường áp dụng phương thức tuyên hình phạt tù có thời hạn vừa đủ để cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện và cho bị cáo được hưởng án treo nhằm tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục học tập, làm ăn sinh sống và chứng tỏ sự hối cải, hoàn lương của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường dưới sự giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình nơi người đó làm việc, công tác, học tập hoặc cư trú. Để tạo cho Tòa án xem xét cho người phạm tội được hưởng án treo (trong đó có người chưa thành niên phạm tội) ngày 30-10-2000 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 61/2000/NĐ-CP quy định việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo. Nghị định đã quy định

đầy đủ và chi tiết trách nhiệm cam kết của gia đình trong quá trình thử thách của người phạm tội. Đây là một sự kết hợp có hiệu quả phù hợp với chính sách của Đảng và Nhà nước luôn luôn quan tâm đến giáo dục, cải tạo hơn là trừng trị đối với người chưa thành niên phạm tội. Tuy nhiên số bị cáo chưa thành niên phạm tội bị áp dụng hình phạt tù còn cao. Theo số liệu từ Cục quản lý trại giam (V26) Bộ Công an cung cấp thì số lượng người chưa thành niên phạm tội bị phạt tù giam trên cả nước từ năm 1994 đến năm 2005 như sau:

Theo điều tra ở bất kỳ Tòa án nào thì hình phạt tù cũng là hình phạt được áp dụng nhiều nhất, chiếm đại đa số các bản án. Theo thống kê xét xử sơ thẩm ở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thì hình phạt tù được áp dụng như sau: Năm 2002 số người chưa thành niên đưa ra xét xử sơ thẩm bị phạt tù chiếm 95,37%, năm 2003 là 91,23%, năm 2004 là 93,39%, năm 2005 là 95,65% (số liệu từ văn phòng Tòa án Hà Nội), đây là tỷ lệ rất cao. Theo ý kiến của các Thẩm phán thì hình phạt tù được coi là có hiệu quả, không gặp phải nhiều vướng mắc trong quá trình áp dụng. Điều này đi trái với nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội, nguyên nhân của nó có thể do áp lực hoặc do thành kiến, nhất là chưa quan tâm đúng mức tới sự phát triển của người chưa thành niên bởi vậy mới dẫn đến áp dụng hình phạt tù là chủ yếu. Người chưa thành niên đang trong quá trình hoàn thiện nhân cách, nếu bị đưa vào môi trường tù tội có thể làm mất đi những bản tính tốt đẹp vốn có của con người, thay vào đó là những bản tính xấu học được lẫn nhau trong trại giam. Thiết nghĩ cứ phạm tội là buộc các em vào tù sẽ làm cho cuộc sống sau này của các em gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh việc áp dụng các hình phạt chính ra, trong quá trình xét xử, Tòa án các cấp còn áp dụng một trong các biện pháp tư pháp đối với người chưa thành niên phạm tội như: giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào trường giáo dưỡng. Biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên phạm tội chỉ áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng trong các khung hình phạt do pháp luật quy định. Việc giao người chưa thành niên phạm tội về giáo dục tại xã, phường, thị trấn là nhằm tạo cho người phạm tội lao động, học tập tại cộng đồng và cũng như án treo việc Tòa án áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn cũng nhằm để người phạm tội chứng tỏ sự hối cải của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường dưới sự giám sát, giúp đỡ của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, tổ chức xã hội và gia đình. Nhằm nâng cao hiệu quả của việc áp dụng biện pháp tư pháp này ngày 30-10-2000 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2000/NĐ-CP quy định việc thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên phạm tội, nội dung của Nghị định đã thể hiện rõ về trách nhiệm cũng như quyền của cơ quan, tổ chức, gia đình trong việc giám sát giáo dục

người chưa thành niên bị kết án được áp dụng biện pháp này, kể cả quyền và nghĩa vụ của người bị kết án.

Thực tiễn trong những năm qua việc áp dụng biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người chưa thành niên phạm tội của các Tòa án địa phương cho thấy mặc dù vẫn còn hạn chế, nhưng ít nhiều biện pháp này đã phát huy tác dụng tích cực. Trong thời gian ở trường giáo dưỡng, người phạm tội được giáo dục, rèn luyện, được học tập văn hóa, học nghề, được tham gia lao động tùy theo sức khỏe và lứa tuổi. Bằng biện pháp tư pháp này đã giúp phần lớn các em khi ra trường trở thành những công dân tốt, có ích cho xã hội. So với biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, thì biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng là có hiệu quả hơn cả. Bởi vì, thứ nhất, đây là một biện pháp được áp dụng từ lâu nó đã đi vào nề nếp đối với các cơ quan tư pháp; thứ hai, cơ sở vật chất của các trường giáo dưỡng đã được Nhà nước quan tâm xây dựng khang trang, sạch đẹp; thứ ba là điều kiện giáo dục tập trung bao giờ cũng đạt kết quả cao hơn.

Trong quá trình đi tìm số liệu về người chưa thành niên phạm tội ở các cơ quan Tòa án, mặc dù được sự giúp đỡ rất nhiệt tình của các cán bộ, nhưng việc thu thập các số liệu liên quan đến người chưa thành niên phạm tội vẫn rất khó khăn bởi chưa có một Tòa án nào có thống kê riêng về số liệu người chưa thành niên phạm tội bị xét xử và kết quả xét xử như thế nào mà chỉ thống kê chung số bị cáo là người chưa thành niên trong cùng một biểu mẫu thống kê tổng số bị cáo bị Tòa án xét xử. Những số liệu chúng tôi có được ở đây là từ sự tham khảo từ rất nhiều nguồn khác nhau, bởi vậy việc đưa ra những nhận định, đánh giá về thực tiễn xét xử đối với người chưa thành niên phạm tội có thể có những khó khăn nhất định, nhất là trong tình hình hiện nay khi việc thực hiện Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 mới được hơn 2 năm, rất nhiều vấn đề liên quan đến việc xét xử người chưa thành niên phạm tội còn cần rất nhiều sự bàn luận, hướng dẫn áp dụng thống nhất theo quy định của Bộ luật này. Do đó, chúng tôi nhận thấy vấn đề này vẫn chưa được các cơ quan bảo vệ pháp luật quan tâm đúng mức, bởi không thể đánh giá chính xác nếu như cả đến số liệu thống kê cũng không thống nhất. Chúng tôi thấy rằng Tòa án nhân dân Tối cao nên có những báo cáo hàng năm thật tỉ mỉ về số liệu liên quan đến người chưa thành niên phạm tội, nhằm giúp cho việc nghiên cứu pháp luật nói chung và pháp luật về người chưa thành niên phạm tội nói riêng được thuận lợi và dễ dàng hơn.

### **3.2. Những tồn tại, khó khăn khi áp dụng thủ tục xét xử vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên**

Mặc dù quy định về thủ tục xét xử đối với bị cáo là người chưa thành niên trong Bộ luật tố tụng hình sự khá đầy đủ nhưng khi áp dụng những quy định này vào thực tiễn đã bộc lộ nhiều điểm bất hợp lý. Điều này đã dẫn đến chất lượng giải quyết các vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên không cao. Bên cạnh đó, tình trạng các cơ quan tiến hành tố tụng lạm quyền, vi phạm các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không tôn trọng quyền lợi của bị cáo chưa thành niên vẫn xảy ra.

Về việc áp dụng các quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng

Nhìn chung, thủ tục tố tụng hình sự áp dụng đối với người chưa thành niên đã được Tòa án tuân thủ đầy đủ. Tuy nhiên, trên thực tiễn, Tòa án gặp một số khó khăn trong việc áp dụng.

Thứ nhất, Về thành phần Hội đồng xét xử đối với bị cáo là người chưa thành niên, Bộ luật tố tụng hình sự quy định phải có một Hội thẩm nhân dân là giáo viên hoặc cán bộ đoàn thanh niên tham gia vào việc xét xử nhưng do cơ cấu Hội thẩm nhân dân là giáo viên hay cán bộ đoàn thanh niên hiện nay vẫn chưa được chú trọng cho nên số lượng còn quá ít so với những vụ án do người chưa thành niên thực hiện mà Tòa án phải xét xử. Số Hội thẩm nhân dân tham gia công tác xét xử bị cáo là người chưa thành niên của Tòa án đa số là các giáo viên đã nghỉ hưu, giáo viên dạy cấp 1 hoặc giáo viên đại học, họ không nắm rõ tâm lý của lứa tuổi từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi. Vì vậy, họ không có kinh nghiệm trong việc xem xét, đánh giá hành vi của các em.

Theo chúng tôi, Hội thẩm tham gia xét xử người chưa thành niên phạm tội phải là những giáo viên đang giảng dạy và tiếp xúc thường xuyên với lứa tuổi từ 14 đến 18 tuổi, lứa tuổi trung học phổ thông, để họ có thể đánh giá chính xác thái độ và tâm lý của các em.

Mặt khác, theo Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, trường hợp khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nhưng khi đưa bị cáo ra xét xử thì bị cáo đã thành niên (bước vào tuổi 18) thì Tòa án áp dụng thủ tục tố tụng thông thường như đối với bị cáo thành niên (Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10.6.2002 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp các vấn đề về nghiệp vụ). Có nghĩa là thủ tục không bắt buộc có một Hội thẩm nhân dân là giáo viên hoặc cán bộ Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, không bắt buộc phải có luật sư bào chữa cho bị cáo.

Về mặt hình thức, bản thân bị cáo là người thành niên, có nghĩa là bị cáo đã đủ suy nghĩ để tự chứng minh có hay không có sự phạm tội của mình và tự bảo vệ các

quyền lợi khác cho bản thân trước Tòa án. Thế nhưng về mặt nội dung, chúng tôi thấy rằng có vấn đề cần phải được cân nhắc. Bởi vì, khi xét xử bị cáo là người chưa thành niên, pháp luật hình sự bắt buộc phải áp dụng hình phạt đối với bị cáo là mức hình phạt theo tuổi ở thời điểm bị cáo phạm tội. Trường hợp này cũng vậy, mặc dù khi Tòa án mở phiên tòa xét xử thì bị cáo đã bước vào tuổi 18, thế nhưng Tòa án không thể áp dụng hình phạt giống như người thành niên được. Nếu về hình phạt, luật bắt buộc Hội đồng xét xử phải áp dụng những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội, nhưng về thành phần Hội đồng xét xử, người bào chữa cho bị cáo lại áp dụng theo thủ tục chung là chưa phù hợp. Do đó, cần có các quy định rõ ràng để đảm bảo việc áp dụng được thống nhất.

Thứ hai, việc người bào chữa tham gia trong những vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên là bắt buộc để bảo đảm quyền lợi cho họ. Tuy nhiên, trên thực tế, việc áp dụng thủ tục này vẫn còn nhiều thiếu sót. Nhiều người bào chữa được chỉ định nhưng do quá bận việc hoặc vô trách nhiệm nên chỉ gửi bản bào chữa cho Tòa án mà không tham dự phiên tòa, khiến cho việc xét xử gặp khó khăn vì pháp luật tố tụng hình sự quy định việc Luật sư tham gia phiên tòa để bào chữa cho bị cáo chưa thành niên là quyền của họ (điểm b khoản 2 Điều 57 Bộ luật tố tụng hình sự), trong trường hợp này nếu bị cáo chưa thành niên không đồng ý với việc luật sư vắng mặt thì Tòa án phải hoãn phiên tòa để đảm bảo quyền bào chữa cho bị cáo. Hoặc có trường hợp Luật sư có mặt tại phiên tòa nhưng chỉ đơn thuần là thay mặt bị cáo chưa thành niên xin giảm nhẹ mức án chứ chưa thực sự bảo vệ cho họ.

Thứ ba, việc tham gia của đại diện gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội cũng chưa được chú trọng đúng mức. Họ tham dự phiên tòa chủ yếu là để xem Tòa án xét xử và nghe Tòa tuyên án, chưa phát huy được vai trò phối hợp với Tòa án trong việc giáo dục cải tạo người chưa thành niên phạm tội, chỉ những trường hợp cần giải quyết việc bồi thường thiệt hại vật chất cho người bị hại do người chưa thành niên phạm tội gây ra thì Tòa án mới có sự phối hợp với đại diện gia đình họ. Đại diện nhà trường và tổ chức hầu như không có mặt tại phiên tòa xét xử người chưa thành niên phạm tội, vấn đề này có nhiều nguyên nhân, có trường hợp Tòa án không chú trọng đến việc triệu tập họ đến tham gia phiên tòa nhưng cũng có trường hợp nhận được giấy mời của Tòa án nhưng các cơ quan này lại không quan tâm phối hợp với Tòa án trên cơ sở pháp luật. Khoản 3 Điều 306 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: "Tại phiên tòa xét xử bị cáo là người chưa thành niên phải có mặt đại diện gia đình bị cáo,..., đại diện nhà trường, tổ chức".

Trên thực tế nghiên cứu các bản án của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và các Tòa án nhân dân quận, huyện thuộc thành phố Hà Nội thì hầu hết đều không có sự



tham gia của đại diện nhà trường và tổ chức xã hội. Đây là vi phạm về thủ tục tố tụng, tuy nhiên, trên thực tế chưa có bản án nào bị Tòa án cấp trên hủy án do vi phạm này nhưng đây là vấn đề cần rút kinh nghiệm, ngành Tòa án cần quan tâm tổ chức các Hội nghị hướng dẫn cho Tòa án nhân dân các địa phương thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hình sự trong xét xử vụ án có bị cáo là người chưa thành niên để việc xét xử đảm bảo khách quan và đúng pháp luật. Các quy định về thủ tục xét xử đối với các vụ án có bị cáo là người chưa thành niên đã nêu ở phần trên về cơ bản được Tòa án áp dụng tương đối đầy đủ.

Tuy nhiên, khi thực hiện do nhiều nguyên nhân khác nhau, người tiến hành tố tụng vẫn có sai lầm như: thiếu sự tham gia của người đại diện hợp pháp cho bị cáo, không quyết định áp dụng biện pháp giám sát, không quyết định để đại diện gia đình, nhà trường, tổ chức xã hội tham gia, thành phần Hội thẩm nhân dân không đúng quy định... Trong tình hình hiện nay, khi triển khai thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới trong đó có việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự, đòi hỏi công tác xét xử nói chung và công tác xét xử án hình sự nói riêng càng phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật.

Thứ tư, Việc tổ chức phiên tòa xét xử.

Trong thực tiễn một số nơi đã chọn một số vụ án mà người chưa thành niên phạm tội để xét xử lưu động. Nói chung, việc xét xử lưu động là một biện pháp tốt có tác dụng tuyên truyền, có ý nghĩa giáo dục pháp luật sâu sắc. Tuy nhiên, nếu đưa người chưa thành niên xét xử lưu động trước đông người tham dự thì về mặt tâm lý sẽ để lại một dấu ấn tiêu cực khó xóa đối với người chưa thành niên. Chính vì vậy, trong quá trình tổ chức phiên tòa xét xử người chưa thành niên cần hạn chế và tiến tới không tổ chức phiên tòa lưu động. Những sai phạm trong việc lựa chọn, xử lý, quyết định Người tiến hành tố tụng đối với những vụ án mà người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa thành niên đã có lúc chưa hoàn thành nhiệm vụ, đánh giá các vấn đề của vụ án chưa đầy đủ, chưa chính xác, thiếu khách quan v.v... đã dẫn đến những nhận định, đánh giá không chuẩn xác và ra những quyết định chưa phù hợp. Tỷ lệ bị cáo là người chưa thành niên được Tòa án áp dụng biện pháp tư pháp hoặc hình phạt cải tạo không giam giữ, cảnh cáo còn quá thấp. Qua thực tiễn áp dụng các biện pháp tư pháp và các hình phạt cảnh cáo và cải tạo không giam giữ, cho thấy các nhà lập pháp cần xem xét để sửa đổi Bộ luật hình sự 1999, Bộ luật tố tụng hình sự cũng như đưa ra những giải pháp về cơ chế thực hiện các biện pháp tư pháp và các hình phạt không giam giữ để việc áp dụng đạt hiệu quả trên thực tế.

Về đội ngũ cán bộ làm công tác xét xử bị cáo là người chưa thành niên

Cũng giống như trong các Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, trong các Tòa án nhân dân các cấp vẫn chưa có đội ngũ cán bộ chuyên trách trong công việc xét xử các vụ án do người chưa thành niên thực hiện. Do vậy, khi xét xử Thẩm phán được phân công xét xử các vụ án mà bị cáo là người chưa thành niên không thể tránh khỏi những thói quen như khi xét xử các vụ án có bị cáo là người thành niên, kể cả trong việc nhìn nhận, đánh giá sự việc và lượng hình, đôi khi còn có những hành vi, cử chỉ, lời nói thô bạo đối với người chưa thành niên. Năng lực trình độ của người tiến hành tố tụng (Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân) còn bị hạn chế do pháp luật của nước ta thiếu ổn định, hay thay đổi, trong khi đó công tác đào tạo và đào tạo lại của ngành Tư pháp nói chung và ngành Tòa án nói riêng còn chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ. Có một số ít cán bộ Thẩm phán chưa nhận thức đầy đủ về nhiệm vụ chính trị, chưa có sự chuyên tâm với công việc được giao. Sự bất cập này làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của công tác xét xử người chưa thành niên phạm tội, chưa phát huy tác dụng giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội.



**TTBD ĐBDC**